

I U KHO N THAM CHI U

V trí: T v n trong n c: Chuyên gia v Kháng Kháng sinh (Thú y): Nghiên c u tr ng h p v ph ng pháp tí p c n M t S c kh e i v i tình tr ng kháng kháng sinh t nh B c Giang và khuy n ngh t ng c ng ph ng pháp tí p c n t c p t nh n a ph ng

a i m th c hi n: Hà N i và th c a t i B c Giang

Th i gian th c hi n: Tháng 7/2018-Tháng 9/2018

Báo cáo: Giám c d án qu c gia, D án SCOH2

1) Gi i thi u chung

Việt Nam là qu c gia n m trong vùng có nguy c t ng i cao i v i các b nh truy n nhi m m i n i (EID), bao g m các b nh truy n lây t ng v t sang ng i do s ti p xúc gi a ng i v i ng i, ng i v i v t nuôi, ng v t hoang dã và h sinh thái. Vi c gi i quy t các hành vi r i ro liên quan n an ninh sinh h c c a v t nuôi và nuôi, buôn bán và tiêu th ng v t hoang òi h i ph i có m t n l c lâu dài.

Trong nh ng n m qua, Chính ph Việt Nam (CP) ã và ang tích c c t ng c ng áp d ng ph ng pháp tí p c n M t S c Kh e i v i các b nh truy n nhi m m i n i (EID). Các n l c c p qu c gia hi n ã c th hi n trong K ho ch Chi n l c M t s c kh e Qu c gia Phòng ch ng B nh truy n lây gi a ng v t và ng i (OHSP), giai o n 2016-2020, trong ó ra k ho ch 5 n m nh m gi m tác ng c a b nh n s c kh e con ng i và các tác ng khác. OHSP c p n 7 l nh v c tr ng tâm, bao g m t ng c ng n ng l c M t s c Kh e, và áp d ng cách tí p c n M t S c Kh e nh m qu n lý các tr ng h p kh n c p v d ch b nh liên quan n ng i b t ngu n t ng v t, các tác nhân có kh n ng lây b nh gi a ng v t và ng i m c dù ch a xu t hi n, virus cúm lây t ng v t sang ng i có kh n ng bi n thành i d ch, b nh d i, b nh kháng kháng sinh (AMR) và các b nh truy n lây gi a ng v t và ng i c n c u tiên quan tâm khác. Tham kh o thêm v OHSP t i <http://onehealth.org.vn/documents/the-viet-nam-ohsp-2016-2020-final/203.html>.

OHSP l u ý r ng tình tr ng kháng kháng sinh (AMR) là m t m i quan tâm toàn c u ngày càng gia t ng, trong ó có châu Á và Việt Nam¹. Vi c qu n lý và ng n ch n AMR òi h i cách tí p c n M t S c Kh e, bao g m các hành ng c n thi t gi m s l ng các b nh nhi m khu n không th i u tr n i trú và ngo i trú, c ng nh c n ph i có các hành ng c a riêng ngành ch n nuôi gi m m c kháng kháng sinh cao ng v t, c bi t là các trang tr i ch n nuôi và nuôi tr ng th y s n, và c ng c n gi i quy t các v n v môi tr ng do s d ng m t s lo i thu c kháng khu n và s xu t hi n c a m t s sinh v t kháng kháng sinh trong n c th i c a ng i và ng v t. C n có s ph i h p và h p tác hi u qu gi a các ngành khác nhau.

Giai o n th hai c a d án T ng c ng n ng l c th c hi n ph ng pháp tí p c n M t S c kh e t i Việt Nam (SCOH2) do B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn (B NN & PTNT) ph i h p v i B Y t (MOH) th c hi n, v i s tài tr c a USAID thông qua UNDP nh m h tr i tác M t s c kh e Việt Nam i v i b nh truy n lây gi a ng v t và ng i (OHP) và Ban th ký c t t i B NN & PTNT. M t ho t ng chính c a d án SCOH2 là th c

¹ K ho ch chi n l c M t s c kh e cho Việt Nam i v i b nh truy n lây (OHSP), 2016-2020 - Ph l c k thu t, tr.39.

hiện nghiên cứu nhằm hỗ trợ họ thực hiện chính sách Một sức khỏe tại Việt Nam. Các chuyên gia nghiên cứu này của Ban kỹ thuật OHP xác định danh sách các cơ quan kỹ thuật chính của Bộ NN & PTNT và Bộ Y tế cũng như các chuyên gia trong nước và quốc tế khác thuộc Ủy ban kỹ thuật (TAC) của dự án.

Hỗ trợ việc cung cấp các thông tin và khuyến nghị rõ ràng cho các nhà hoạch định chính sách quốc gia và các bên liên quan trọng về hiện trạng cũng như những lợi ích Một sức khỏe, hỗ trợ cách tiếp cận hợp tác và các nhân lực nhằm giới thiệu quy trình truy vấn lấy dữ liệu về gia súc và gia cầm và AMR từ các phần mềm phân tích, SCOH2 sẽ thúc đẩy nhiều hơn các nghiên cứu trên mô hình của các nhà nghiên cứu góp phần xây dựng một hệ thống dữ liệu về sức khỏe gia súc và gia cầm để quản lý các nhân lực làm các xác định các khuyến nghị về hiện trạng cũng như những lợi ích Một sức khỏe và các nhân lực chuyên môn.

Loại nghiên cứu này sẽ bao gồm nghiên cứu sau đây: *Nghiên cứu tình hình về cách tiếp cận Một Sức Khỏe ở vùng nông thôn kháng kháng sinh ở tỉnh Bắc Giang và các khuyến nghị về cách tiếp cận này từ các phần mềm phân tích.*

Dựa trên dữ liệu định tính và định lượng, Nghiên cứu sẽ xác định tình hình quản lý kháng sinh ở vùng nông thôn và trong nông nghiệp, cũng như các rủi ro AMR và các nhân lực phòng chống liên ngành, từ các phần mềm phân tích.

Các câu hỏi chính cần trả lời trong nghiên cứu bao gồm:

- Hiện trạng của các hộ chăn nuôi gia súc và gia cầm kháng sinh và phòng chống tình trạng kháng kháng sinh trên địa bàn tỉnh?
- Tình trạng về sử dụng kháng sinh trong gia súc (Tình trạng quản lý gia súc về sức khỏe con người, sức khỏe gia súc/tổn thương và có thể / đã xác định vị trí tình trạng kháng kháng sinh dựa trên các nghiên cứu và thực địa)?
- Các cơ chế chuyển đổi trong quản lý kháng sinh ở vùng nông thôn về sức khỏe con người, sức khỏe gia súc và gia cầm của các ngành khác?
- Hiện trạng giám sát sử dụng kháng sinh và AMR trong các ngành này? So sánh kinh nghiệm của các nhà nghiên cứu trên địa bàn CIRAD/NIVR với giám sát sức khỏe AMR Một sức khỏe của các quốc gia?
- Các quy định và thực thi pháp luật về sử dụng kháng sinh trong ngành nông nghiệp?
- Các rủi ro kháng kháng sinh chuyển đổi các xác định là gì?
- Khuyến nghị chính nào từ các chuyên gia quản lý tình trạng kháng kháng sinh và giới thiệu quy trình kháng kháng sinh thông qua các chính sách, nguồn lực và hành động từ các cấp Việt Nam dựa trên các bài học từ nghiên cứu này?

Đội ngũ chuyên gia tham gia nghiên cứu này sẽ xây dựng đội ngũ chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế chuyên gia về Thú y để thúc đẩy nghiên cứu này (sau đây gọi tắt là 'Nhà tư vấn')

Ba chuyên gia tư vấn trong nước sẽ được chỉ định để hướng dẫn và đóng góp các chuyên môn thực địa và các báo cáo vào cho toàn bộ nghiên cứu, bao gồm:

- Trưởng nhóm Nghiên cứu kiêm Chuyên gia về Kháng Kháng sinh (Hỗ trợ Y tế) thúc đẩy nghiên cứu này.
- Một Chuyên gia về Hỗ trợ y tế đánh giá vị trí quản lý kháng sinh và hiện trạng kháng kháng sinh (AMR) cũng như các nguy cơ rủi ro trong hộ chăn nuôi.
- Một chuyên gia về Môi trường thúc đẩy đánh giá các chỉ tiêu môi trường liên quan

n vi c s d ng kháng sinh và Kháng kháng sinh, bao g m s hi n di n c a các lo i thu c kháng khu n và sinh v t kháng trong n c th i c a ng i và ng v t..

Nhà th u s tham gia th c hi n nghiên c u i n hình t ng th này thông qua vi c thi t k và th c hi n ánh giá c ch qu n lý kháng kháng sinh hi n nay, hi n tr ng kháng kháng sinh và các nguy c ti m n trong chu i giá tr ng v t (gia súc, gây nuôi và buôn bán ng v t hoang dã) làm c s xác nh các thông tin liên quan c n có gi i quy t tr n v n các câu h i then ch t c a nghiên c u, và a ra các khuy n ngh nh m t ng c ng áp d ng cách ti p c n M t S c kho trong i u tr kháng kháng sinh t nh B c Giang, t c p t nh n a ph ng

2) M c tiêu nhi m v

M c tiêu nhi m v c a t v n là óng góp các u vào quan tr ng cho nghiên c u, t p trung vào n i dung ánh giá c ch qu n lý kháng sinh, hi n tr ng ARM và các nguy c ti m n trong chu i giá tr ng v t (gia súc, gây nuôi và buôn bán ng v t hoang dã), óng góp vào nghiên c u chung v cách ti p c n M t S c kho v Kháng Kháng sinh t nh B c Giang; a ra các khuy n ngh c i thi n tình hình t c p t nh n a ph ng. Báo cáo nghiên c u s l ng ghép các k t qu nghiên c u ã có và k t qu th c a B c Giang, ng th i ghi nh n và l ng ghép các ý ki n ti p t c c t các bên liên quan c p t nh, qu c gia và a ph ng.

3) Quy mô nhi m v

Sau ây là các nhi m v chính đ ki n s c Nhà th u t v n c l a ch n th c hi n trong Nhi m v t v n này:

1. D a trên các tham v n ban u, óng góp các u vào chính cho quá trình chu n b Báo cáo kh i ng và K ho ch th c hi n chi ti t cho vi c xây d ng H s t nh, bao g m vi c thi t k các n i dung chi ti t và ph ng pháp lu n c a Nghiên c u xu t. K ho ch th c hi n c n c i u ch nh cho phù h p v i các a i m nghiên c u c th và ph i c trình D án SCO2 và UNDP xem xét. Sau khi hoàn thi n, K ho ch s c g i cho t nh B c Giang tr c khi th c hi n th c a.
2. óng góp các u vào chính cho vi c thu th p và rà soát các thông tin và nghiên c u liên quan ã có, bao g m vi c t ch c các cu c h p và làm vi c v i các t ch c trong n c và qu c t , theo dõi các đ án và ch ng trình có liên quan t i Hà N i thu th p thông tin và tài li u
3. Xây d ng và th nghi m các công c kh o sát và ph ng v n, các câu h i i u tra nh m ánh giá c ch qu n lý kháng sinh, hi n tr ng ARM và các nguy c ti m n trong chu i giá tr ng v t (gia súc, gây nuôi và buôn bán ng v t hoang dã), và s a i các công c này đ a trên k t qu th nghi m t i th c a và ý ki n óng góp c a
4. Ti n hành ánh giá c ch qu n lý kháng sinh, hi n tr ng ARM và các nguy c ti m n trong chu i giá tr ng v t (gia súc, gây nuôi và buôn bán ng v t hoang dã), đ ki n bao g m các ho t ng sau: ph ng v n theo m u và theo b ng h i i v i các cán b liên quan (i di n UBND, cán b thú y, cán b khuy n nông và ch n nuôi, vv); i di n và cán b liên quan c a khu v c t nhân (ví d nh các c s cung c p đ c ph m và th c n gia súc), các bên liên quan n chu i giá tr ch n nuôi (gia súc và ng v t hoang dã), bao g m các bên liên quan n gây nuôi, buôn bán, ch bi n, ti p th , giám sát, xét nghi m gia súc và ng v t hoang dã).

5. Chỉ u và phân tích các s li u nh tính và nh l ã thu th p trong quá trình rà soát các nghiên c u s n có và k t qu ánh giá v c ch qu n lý kháng sinh, hi n tr ng ARM và các nguy c ti m n trong chu i giá tr ãng v t.
6. óng góp ý ki n v vi c trình bày d th o k t qu nghiên c u t i h i th o các bên liên quan. H i th o s c đ án SCOH2 t ch c, Hà N i ho c t nh ti n hành nghiên c u.
7. Xem xét các ý ki n óng góp c a Đ án và các bên liên quan tr c ti p và t i h i th o, óng góp ý ki n chu n b báo cáo d th o chính th c, bao g m ph n báo cáo k t qu ánh giá c ch qu n lý kháng sinh và tình tr ng kháng kháng sinh và các nguy c ti m n trong chu i giá tr ãng v t; xu t các khuy n ngh liên quan. óng góp ý ki n nh n xét i v i các ph n khác trong báo cáo.
8. Xem xét các thông tin ph n h i t Đ án và các bên liên quan, tham gia xây d ãng báo cáo chính th c, bao g m s a i ph n n i dung v ánh giá c ch qu n lý kháng sinh, hi n tr ng ARM và các nguy c ti m n trong chu i giá tr ãng v t; các khuy n ngh có liên quan và óng góp ý ki n nh n xét i v i các ph n khác trong báo cáo.

4) Th i gian, a i m th c hi n nhi m v và a i m th c a d ki n

Th i gian th c hi n nhi m v là 25 ngày làm vi c trong kho ng th i gian t tháng 7 – 9/2018.

D ch v t v n c th c hi n t i nhà t i Hà N i và i th c a t i t nh B c Giang, m t s chuy n th m V n phòng SCOH2, B NN & PTNT, V n phòng UNDP ho c các a i m khác t i Hà N i s b trí tr c. Nhà th u t v n d ki n s dành ít nh t 8 ngày làm vi c cho 2 chuy n công tác t i t nh B c Giang.

Nhà th u t v n s li t kê chi phí i l i bao g m chi phí di chuy n gi a các a i m th c a trong xu t tài chính.

5) S n ph m cu i cùng

Nhà th u T v n s ch u trách nhi m giao n p các s n ph m sau b ng ngôn ng Ti ng Vi t và Ti ng Anh.

- Ph n ánh giá c ch qu n lý kháng kháng sinh, hi n tr ng kháng kháng sinh và nguy c ti m n trong chu i giá tr ãng v t trong báo cáo kh i ãng, bao g m n i dung chỉ t i t v ph ãng pháp ti p c n, ph ãng pháp lu n và k ho ch th c hi n. óng góp ý ki n nh n xét i v i các ph n khác trong báo cáo kh i ãng.
- Nh n xét b ãng v n b n i v i danh m c các a i m c xu t ti n hành nghiên c u (huy n/xã) kèm theo lý do c th .
- Kh o sát và ph ãng v n s d ãng b ãng h i, danh m c ki m tra và các công c khác th c hi n ánh giá c ch qu n lý kháng sinh, hi n tr ng Kháng kháng sinh và các nguy c ti m n trong chu i giá tr ãng v t.
- óng góp ý ki n cho báo cáo nghiên c u t ãng th , bao g m các b n d th o và b n chính th c c a ph n báo cáo v ánh giá c ch qu n lý kháng sinh, hi n tr ng Kháng kháng sinh và các nguy c ti m n trong chu i giá tr ãng v t, và các khuy n ngh

liên quan. Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về nội dung khác trong các báo cáo và báo cáo chính thức.

- Bảng tính Excel bao gồm các số liệu và phân tích kết quả thực địa.
- Các tài liệu hỗ trợ liên quan bao gồm danh sách người tham gia hội thảo, thông tin thí nghiệm, bài trình bày v.v. các chi chép và ý kiến đóng góp ghi nhận từ các cuộc tham vấn và ý kiến đóng góp từ Đoàn, các Hội thảo tham vấn và các cuộc họp với các bên liên quan; nhật ký và dữ liệu thu thập trong quá trình thực địa.
- Danh sách các tài liệu tham khảo trong đó phác thảo các thông tin đã thu thập và phân tích trong quá trình rà soát tài liệu và thực hiện các chuyên đề.

6) Kế hoạch thực hiện:

Nhà thực hiện sẽ tiến hành các nhiệm vụ sau và cung cấp các sản phẩm theo yêu cầu (bằng tiếng Anh và tiếng Việt) theo quy định. Dưới đây là các mốc thời gian giao nộp các kết quả/sản phẩm đầu ra chính.

Nhiệm vụ / Sản phẩm	Thời hạn
1. Đóng góp ý kiến về nội dung báo cáo khởi kiện và kế hoạch thực hiện chi tiết, bao gồm thiết kế nghiên cứu và phương pháp luận thực tiễn nghiên cứu về đánh giá chi phí quản lý kháng sinh, hiện trạng ARM và các nguy cơ tiềm ẩn trong chuỗi giá trị ngành dược.	06/07/2018
2. Thu thập và rà soát các tài liệu liên quan	15/7/2018
3. Thiết kế, thí nghiệm và hoàn thiện các công cụ nghiên cứu và khảo sát và bảng hỏi về đánh giá chi phí quản lý kháng sinh, hiện trạng kháng kháng sinh và các nguy cơ tiềm ẩn trong chuỗi giá trị ngành dược.	20/7/2018
4. Thực hiện các hoạt động nghiên cứu thực địa	10/8/2018
5. Thu thập và phân tích các dữ liệu nghiên cứu và phân tích	17/08/2018
6. Bài trình bày (slides) về kết quả đánh giá ban đầu về chi phí quản lý kháng sinh, hiện trạng ARM và các nguy cơ tiềm ẩn trong chuỗi giá trị ngành dược và các khuyến nghị liên quan lồng ghép vào bài trình bày chung về các kết quả nghiên cứu thực địa.	27/08/2018
7. Báo cáo đánh giá chi phí quản lý kháng sinh, hiện trạng ARM và các nguy cơ tiềm ẩn trong chuỗi giá trị ngành dược và đề xuất ý kiến nhận xét về nội dung báo cáo của toàn bộ báo cáo nghiên cứu.	11/09/2018
8. Báo cáo chính thức đánh giá chi phí quản lý kháng sinh, hiện trạng ARM và các nguy cơ tiềm ẩn trong chuỗi giá trị ngành dược và đề xuất ý kiến nhận xét về nội dung báo cáo chính thức của toàn bộ báo cáo nghiên cứu.	25/09/2018

7) Kiểm soát sản phẩm và giám sát tiến độ

- Nhà thực hiện sẽ lập kế hoạch và định nghĩa nhiệm vụ của Ban quản lý SCOH2 (Ban Thư ký OHP), bao gồm báo cáo tiến độ cho Giám đốc Đoàn quốc gia và báo cáo hàng ngày cho Trưởng Ban Thư ký.

- Nhà thầu vns phải nộp hồ sơ (tính trong vòng 24 giờ) về các yêu cầu kỹ thuật và các trao đổi khác từ phía Giám đốc Dự án quốc gia và Trưởng Ban Thẩm ký.
- Các sản phẩm Báo cáo sơ bộ nộp cho Ban QLDA SCO2 (Ban thẩm ký OHP) xem xét và phê duyệt. Tất cả các sản phẩm báo cáo nộp về Giám đốc Dự án quốc gia, Cố vấn kỹ thuật Quốc tế và Cán bộ Chương trình của UNDP phê duyệt dự án SCO2 kiểm tra kỹ thuật và thông qua.

8) Yêu cầu chuyên môn và kinh nghiệm làm việc

Nhà thầu vns cần có kinh nghiệm sâu rộng trong việc thực hiện nghiên cứu trong các lĩnh vực liên quan tại Việt Nam, cụ thể như sau:

Các yêu cầu về kinh nghiệm làm việc và chuyên môn về Nhà thầu vns như sau:

- Bằng thạc sĩ về lĩnh vực có liên quan. Có thể học qua các yêu cầu về học vấn có chứng minh kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực này.
- Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu có liên quan. Có kinh nghiệm trong lĩnh vực y tế công cộng và M t S c kho là m t l i th .
- Kỹ năng phân tích tốt.
- Kỹ năng giao tiếp và viết tiếng Anh và tiếng Việt tốt.
- Có khả năng làm việc linh hoạt trong các môi trường văn hóa khác nhau và với nhiều bên liên quan khác nhau..

STT	Chi tiêu	Điểm
1	Bằng thạc sĩ về lĩnh vực có liên quan. Có thể học qua các yêu cầu về học vấn có chứng minh kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực này.	150
2	Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu có liên quan. Có kinh nghiệm trong lĩnh vực y tế công cộng và M t S c kho là m t l i th .	350
3	Kỹ năng phân tích tốt	200
4	Kỹ năng giao tiếp và viết tiếng Anh và tiếng Việt tốt	100
5	Có khả năng làm việc linh hoạt trong các môi trường văn hóa khác nhau và với nhiều bên liên quan khác nhau.	100
6	Có khả năng tốt trong việc xây dựng báo cáo cho Liên Hợp Quốc	100
		1,000

9) Kiểm tra chi tiêu và chi phí thanh toán

Các lần thanh toán sẽ dựa trên tiến độ giao nộp sản phẩm, tức là khi Tiến độ giao nộp các dịch vụ quy định trong KTC. Nhà thầu vns sẽ thanh toán theo các trường hợp sau:

- Khoản thanh toán đầu tiên trị giá 10% giá trị hợp đồng sẽ thanh toán sau khi Tiến độ nộp và chấp thuận Báo cáo khởi công và danh sách các địa điểm nghiên cứu;
- Khoản Thanh toán lần 2 trị giá 20% giá trị hợp đồng sẽ thanh toán khi Tiến độ nộp và chấp thuận các công việc nghiên cứu;
- Khoản thanh toán lần ba trị giá 40% giá trị hợp đồng sẽ thanh toán khi Tiến độ nộp và chấp thuận các kết quả sơ bộ và dự thảo báo cáo;
- Khoản thanh toán cuối cùng trị giá 30% sẽ thanh toán sau khi Tiến độ nộp và phê duyệt tất cả các sản phẩm theo hợp đồng.

10) Hỗ trợ thực hành chính và các tài liệu tham khảo

Ban Thư ký OHP sẽ cung cấp các hỗ trợ hành chính trong khi bạn viết cách là BQLDA SCO2. Các bản sao tài liệu và các báo cáo liên quan sẽ được cung cấp cho Nhà thực nghiệm khi bắt đầu nhiệm vụ. Ban QLDA sẽ tổ chức thu thập dữ liệu cho việc thực hiện các cuộc họp với các bên liên quan chính tại Hà Nội, và sắp xếp thực hiện trình bày kết quả nghiên cứu của bạn. BQLDA sẽ hỗ trợ việc ghi công và tiếp xúc với các bên liên quan chính để tiếp nhận yêu cầu tổ chức thu thập dữ liệu và hỗ trợ cho Nhà thực nghiệm về mặt kỹ thuật và các chuyên gia.

11) Yêu cầu Thực nghiệm có mặt tại địa điểm thực nghiệm

KHÔNG CẦN THỰC HIỆN THOẢNG KHÔNG LIÊN TỤC TOÀN THỜI GIAN